TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2020/HNGĐ-PT
Ngày 15/05/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 50/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 88/2019/HNGĐ- ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐPTT-HNGĐ ngày 29/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐPTT-HNGĐ ngày 21/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐPTT-HNGĐ ngày 20/12/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐPTT-HNGĐ ngày 20/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐPTT-HNGĐ ngày 20/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐPTT-HNGĐ ngày 20/03/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐPTT-HNGĐ ngày 16/04/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đào Quang T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 161, thị T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 14/12/2018 cùng các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 21/7/2017. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, do anh H chơi bời không lo làm ăn vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống không có tiếng nói chung anh H có đánh đập chị nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2018 đến nay, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/10/2017 hiện cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, khi về mẹ đẻ ở chị đưa con đi cùng sau đó anh H đến đón con và không cho chị đón lại, hiện nay con đang ở cùng anh H, nếu vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị L trình bày chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Hoàng Thị L trình bày chị không vay nợ cùng anh Nguyễn Văn H nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H xác nhận lời khai của chị Hoàng Thị L về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Hoàng Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh đồng ý.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Mai H,

sinh ngày 12/10/2017 hiện cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng anh, nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con chung vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị L được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh trình bày quá trình anh và chị L chung sống có vay nợ tiền của anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1990, địa chỉ Phố S, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền là 180.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng anh vay để đầu tư làm ăn ở Phú Quốc nhưng thua lỗ nay chưa trả được;

Vợ chồng còn nợ anh Đào Quang T, sinh năm 1987 ở thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 45.000.000 đồng số tiền vay này vợ chồng anh sử dụng vào sinh hoạt chung của gia đình như trả tiền thuê nhà, tiền sinh hoạt của hai vợ chồng.

Đây là các khoản nợ chung của vợ chồng, do vậy anh đề nghị chị L cùng có trách nhiệm cùng anh trả khoản vay nợ trên. Ngoài ra, vợ chồng anh còn nợ anh Hoàng Duy K, sinh năm 1984 ở thôn 1, xã B, huyện B, thành phố Hà Nội số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền vay của anh K vợ chồng anh dùng để đầu tư kinh doanh thực phẩm chức năng. Khoản nợ này chưa đến hạn thanh toán do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ trình bầy: Do có mối quan hệ quen biết anh H nên anh đã nhiều lần cho vợ chồng anh H và chị L vay tiền, có lần anh đưa tiền trực tiếp có lần anh chuyển khoản qua Ngân hàng. Cụ thể: Ngày 01/4/2018 anh cho anh H vay 80.000.000 đồng tiền mặt, khi vay hai bên có làm giấy biên nhận và hẹn 02/10/2018 trả; ngày 20/4/2018 chuyển khoản cho anh H 25.000.000 đồng; ngày 21/4/2018 chuyển khoản cho anh H 25.000.000 đồng; ngày 02/5/2018 chuyển khoản cho anh H số tiền 10.000.000 đồng; ngày 04/5/2018 chuyển khoản cho anh H 15.000.000 đồng. Tổng các lần chuyển khoản và cho vay tiền mặt là 180.000.000 đồng, các lần đều hẹn 2/10/2018 thanh toán trả hết, khi vay anh H nói vay để làm ăn, đầu tư tại Phú Quốc. Sự việc vay mượn này anh H và chị L là vợ đều biết, đều hẹn thanh toán, anh đòi nhiều lần nhưng chị L, anh H đều khất lần không trả anh. Nay vợ chồng anh H, chị L ly hôn anh yêu cầu cả chị L và anh H có trách nhiệm trả anh số tiền này. Anh không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Đào Quang T trình bầy: Ngày 18/9/2018 anh có cho anh H mượn 45.000.000 đồng để lo việc gia đình khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền và chị L vợ anh H có biết việc này, khi vay hẹn đến ngày 18/03/2019 sẽ thanh toán trả số tiền trên. Tuy nhiên đến hẹn anh H, chị L cũng chưa trả anh số tiền trên. Hiện nay anh H, chị L đang làm thủ tục ly hôn. Kính mong Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị L trả anh số tiền trên, anh không yêu cầu tiền lãi.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 88/2019/HNGĐ- ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 27, 37, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn

nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/10/2017. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở anh Nguyễn Văn H thực hiện quyền này.

3.Về công nợ: Buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả anh Hoàng Văn Đ số tiền 112.500.000 đồng.

Buộc chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả anh Đào Quang T số tiền 45.000.000 đồng, trả anh Hoàng Văn Đ 67.500.000 đồng.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 5.625.000 đồng tiền án phí chia số nợ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0003736 ngày 21/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị Hoàng Thị L còn phải nộp tiếp 5.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 5.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn Đ và anh Đào Quang T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Hoàng Văn Đ 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003966 ngày 25/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Hoàn trả anh Đào Quang T 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003965 ngày 25/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất và quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/8/2019 anh Nguyễn Văn H kháng cáo bản án nói trên. Ngày 28/8/2019 anh H nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Anh H kháng cáo về phần giải quyết nuôi con chung. Bản án giải quyết nuôi con chung chưa thấu tình đạt lý, chưa phù hợp với chứng cứ mà anh cung cấp, gây ảnh hưởng đến điều kiện và môi trường sống của con chung là Nguyễn Mai H. Anh đề nghị huỷ bỏ phán quyết nuôi con chung, giải quyết cho anh được nuôi con.

Ngày 19/9/2019 chị Hoàng Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên, cùng ngày chị L nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Chị L kháng cáo về phần giải quyết công nợ tuyên buộc chị phải trả nợ cho anh Hoàng Văn Đ, anh Đào

Quang T, chị không nhận trách nhiệm trả nợ cùng anh H. Đây là nợ riêng của anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, bị đơn anh Nguyễn Văn H không rút đơn kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn Đ, anh Đào Quang T đều vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Hoàng Thị L trình bầy: Chị kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc buộc chị trả nợ đối với anh Đ và anh T. Với lý do chị không được vay và không được ký vào giấy vay nợ, không sử dụng số tiền này. Anh H vay để làm ăn ở Phú Quốc chị không biết, vay cụ thể bao nhiêu; số tiền mà anh H chuyển khoản cho chị có lần chị sử dụng có lần chị chuyển cho người khác theo yêu cầu của anh H.

Đối với kháng cáo của anh H đề nghị được nuôi con chung vì anh cho rằng điều kiện nuôi con chung của anh tốt hơn, chị không có việc làm, không thăm con là không đúng. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở có mang theo con, sau đó anh H đón con và không cho chị thăm con, chị có gửi sữa, quần áo nhưng anh H không cho nhận. Chị không về thăm con vì gia đình anh H không cho chị thăm con và bố mẹ anh H dọa nếu về chém chết. Chị đề nghị được nuôi con chung.

Hiện nay chị đang làm ở Công ty FOSECA Việt Nam, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng, chị ở cùng bố mẹ, chị đi làm giờ hành chính, chị vẫn bảo đảm đưa con đi học buổi sáng và chiều có bố mẹ chị hỗ trợ đón con, trường học gần nhà. Anh H có tiền án, chị có biết được anh H bị bắt tạm giam, không biết xử khi nào? Thời gian tới chắc chắn anh H không có ở nhà để chăm con.

Anh Nguyễn Văn H trình bầy: Anh kháng cáo đề nghị giao con chung cho anh nuôi, chị L không chứng minh được thu nhập của chị L, anh nuôi con từ tháng 9/2018 đến nay, chị L không về thăm con, con đang ở với anh nếu giao cho chị L nuôi làm thay đổi môi trường sống của con, ảnh hưởng tâm lý của con, anh hiện nay làm trang trại cùng gia đình thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng, anh ở cùng bố mẹ anh, nên có bố mẹ hỗ trợ chăm con, anh có bị Tòa án thành phố B xử 6 tháng tù, anh đã chấp hành xong ngày 15/4/2020, còn Viện kiểm sát G có khởi tố nhưng chưa có kết luận anh phạm tội, hiện nay anh không bị áp dụng biện pháp nào hạn chế quyền công dân.

Đối với kháng cáo của chị L không đồng ý trả nợ cùng anh không nhất trí. Vì những khoản vay này làm ăn ở Phú Quốc chị L đều biết, anh vay tiền sau đó chuyển khoản cho chị L nhiều lần để chi tiêu gia đình như tiền thuê nhà, tiền điện nước, sinh hoạt hàng ngày vì lúc đó chị L nuôi con nhỏ không đi làm, anh chị thuê nhà ở Hà Nội, anh đi lại giữa Hà Nội và Phú Quốc để làm ăn, tại biên bản đối chất ở Tòa L chị L trình bầy có biết việc vay tiền của anh T, anh Đ, do làm ăn thua lỗ và phải ly hôn chị L mới không đồng ý. Trường hợp anh làm ăn được và vợ chồng không ly hôn thì chị L nghĩ sao về khoản nợ này. Nên anh đề nghị chị L có trách nhiệm trả nợ cùng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc chấp

hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị L và bị đơn anh H đều có mặt tại phiên tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Hoàng Văn Đ, anh Đào Quang T có đơn xin vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Anh H, chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Hoàng Văn Đ, anh Đào Quang T xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, vụ án này thụ lý từ ngày 25/9/2019 và phải hoãn phiên tòa nhiều lần vì lý do: Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/10/2019. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn bắt tạm giam để điều tra khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 15/10/2019, ngày 10/3/2020 Tòa án nhân dân thành phố B đã xử phạt anh Nguyễn Hăn H 06 tháng tù, ngày 15/4/2020 anh H đã chấp hành xong hình phạt và trở về địa phương. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã nhiều lần có văn bản đề nghị trích xuất để xét xử nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Tòa án nhân dân thành phố B không đồng ý cho trích xuất bị đơn Nguyễn Văn H để xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L kết hôn với Nguyễn Văn H ngày 21/4/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Bản án sơ thẩm xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/10/2017. Hiện con chung do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản án sơ thẩm giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/10/2017. Anh H cáo không đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đề nghị được nuôi

con chung.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm anh H trình bầy hiện nay con chung đang ở cùng anh và bố mẹ anh, anh làm trang trại cùng gia đình, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng có thời gian chăm sóc con tốt hơn chị L. Còn chị L không có công việc ổn định, tại phiên tòa chị L nói đi làm Công ty thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nhưng chị không xuất trình được bảng lương. Xem xét trình bầy của anh H, chị L, Hội đồng xét xử thấy về điều kiện nuôi con chung của chị L và anh H là như nhau. Chị L, anh H đều có thu nhập, ở chung cùng bố mẹ, có bố mẹ hỗ trợ chăm con. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/10/2017 tại thời điểm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Anh H không chứng minh được chị L không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung, chị L và anh H không có thỏa thuận nào khác giao con chung cho anh H nuôi. Do vậy, bản án sơ thẩm giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh H.

Nếu sau này người trực tiếp nuôi con là chị L không còn đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về công nợ: Bản án sơ thẩm Buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả anh Hoàng Văn Đ số tiền 112.500.000 đồng.

Buộc chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả anh Đào Quang T số tiền 45.000.000 đồng, trả anh Hoàng Văn Đ 67.500.000 đồng. Chị L kháng cáo không đồng ý cùng anh H trả nợ anh Đ, anh T. Xét kháng cáo của chị L. Hội đồng xét xử thấy:

Theo giấy biên nhận vay tiền ký giữa anh H và anh T ngày 18/9/2018, anh H vay số tiền 45.000.000 đồng của anh T; Theo trình bầy của anh H và anh Đ, anh nhiều lần chuyển khoản và tiền mặt cho anh H vay. Tổng số tiền là 180.000.000 đồng từ tháng 4/2018 đến tháng 5 năm 2018 và đều hẹn trả nợ vào ngày 02/10/2018. Từ đó đến nay anh H, chị L không trả.

Chị L trình bày quá trình chung sống với anh H, chị có biết việc làm ăn và vay nợ của anh H còn cụ thể như thế nào chị không được biết và anh H không bàn bạc với chị, anh H có đi làm ăn ở Phú Quốc, chị không được ký vào giấy vay nợ do vậy chị không đồng ý cùng anh H trả anh Đ và anh T số tiền trên. Tại phiên tòa phúc thẩm chị L thừa nhận anh H có chuyển khoản cho chị số tiền như các giao dịch chuyển tiền qua Ngân hàng mà anh H cung cấp, Hội đồng xét xử công bố (bút lục từ 177 đến 179 và từ bút lục 138 đến 155) như vậy phù hợp

trình bầy của anh H và anh Đ, số tiền anh T, anh Đ cho anh H vay anh Đ cho vay trong năm 2018 và thời điểm đó chị L và anh H vẫn cùng chung sống. Theo chị L trình bầy tháng 12/2018 chị mới về nhà bố mẹ ở và làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh H. Chị chỉ cho rằng số tiền anh H chuyển này có lần chị chi tiêu cho gia đình, có lần chị chuyển cho người khác theo yêu cầu của anh H, không phải để chi tiêu cho gia đình hết, thời điểm đó chị đang nuôi con nhỏ nhưng chị vẫn bán hàng online và cũng có thu nhập chứ không phải như anh H nói chị không có việc làm, không có thu nhập gì nhưng chị L không xuất trình được chứng cứ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy việc anh H vay nợ có một phần dùng vào mục đích chi tiêu gia đình, một phần dùng để đầu tư làm ăn trong Phú Quốc để phục vụ mục đích kinh tế gia đình nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả được và chị L cũng thừa nhận có chi tiêu và có biết việc anh H đầu tư làm ăn ở Phú Quốc và bị thua lỗ. Do vậy, bản án sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng và buộc chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn H cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho anh Hoàng Văn Đ và anh Đào Quang T. Cụ thể buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả anh Hoàng Văn Đ số tiền 112.500.000 đồng và buộc chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả anh Đào Quang T số tiền 45.000.000 đồng, trả anh Hoàng Văn Đ 67.500.000 đồng) là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại các Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nên không chấp nhận kháng cáo của chị L.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung và công nợ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm bản án không ghi trình bầy của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Hoàng Văn Đ, anh Đào Quang T.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Hoàng Thị L phải chịu 5.625.000 đồng tiền án phí trả nợ

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 5.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung và công nợ.

Căn cứ các Điều 27, 37, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Mai H, sinh ngày 12/10/2017. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở anh Nguyễn Văn H thực hiện quyền này.

2.Về công nợ: Buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả anh Hoàng Văn Đ số tiền 112.500.000 đồng.

Buộc chị Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả anh Đào Quang T số tiền 45.000.000 đồng, trả anh Hoàng Văn Đ 67.500.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất 10% quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Hoàng Thị L phải chịu 5.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 5.625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004301 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004257 ngày 28/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7ª, 7b

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện L;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền